

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Hải.

Ông Nguyễn Hoàn Đại

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 19/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Huyền T, sinh năm 1996. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1991. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2023, bản tự khai ngày 03/01/2024 và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn chị Trần Thị Huyền T thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình Q tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới và UBND xã H cấp đăng ký kết hôn ngày 19/7/2018. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 anh Q đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan đến tháng 5/2023 mới về. Sau khi anh Q về thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế trong gia đình không có nên mâu thuẫn xảy ra, anh Q đánh đập chị và đuổi chị về nhà bố mẹ đẻ ở. Do không thể chịu đựng được nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đầu tháng 12 năm 2023 đến nay, trong thời gian sống ly thân gia đình chị cũng có ý muốn hòa giải để

vợ chồng hàn gắn tình cảm trở về đoàn tụ nhưng gia đình anh Q không đồng ý, anh Q lại nghe lời gia đình dẫn đến hai bên cãi nhau, từ đó tình cảm vợ chồng dần nứt không thể hàn gắn được nữa. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con: Chị và anh Nguyễn Đình Q có hai con chung là Nguyễn Thị Huyền A, sinh ngày 30/12/2018 và Nguyễn Đình H, sinh ngày 19/8/2020. Nguyên vọng của chị là đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con gái là cháu Nguyễn Thị Huyền A, giao cháu Nguyễn Đình H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay chị đang làm công nhân thu nhập mỗi tháng 8.000.000 đồng cũng đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị Trần Thị Huyền T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai ngày 03/01/2024, quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Đình Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện về chung sống với nhau được UBND xã H cấp đăng ký kết hôn ngày 19/7/2018. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng bình thường, sau đó anh đi lao động làm ăn đến tháng 5/2023 mới về, sau khi anh về thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống của hai người không còn phù hợp nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau và chị T tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và làm đơn ly hôn. Anh xét thấy tình cảm cũng không còn, không muốn vợ chồng quay trở về đoàn tụ nữa mà đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con: Anh và chị T có hai con chung là Nguyễn Thị Huyền A, sinh ngày 30/12/2018 và Nguyễn Đình H, sinh ngày 19/8/2020. Hiện nay cả hai con đang sống với anh, nguyên vọng của anh là đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh đang làm lao động tự do và đang học tiếng để đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, khi nào anh đi thì anh đồng ý giao cho chị T nuôi cháu Huyền A, còn hiện tại anh không đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn yêu cầu của chị Trần Thị Huyền T, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, con chung giữa chị Trần Thị Huyền T và anh Nguyễn Đình Q.

Biên bản xác minh tham khảo ý kiến của cơ quan Nhà nước về gia đình về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng trong vụ án hôn nhân gia đình ngày 08/01/2024 tại thôn S và UBND xã H, huyện H thể hiện: Chị Trần Thị Huyền T và anh Nguyễn Đình Q kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 19/7/2018. Trong quá trình chung sống anh Q đi nước ngoài làm ăn nay mới về thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, việc vợ chồng anh Q xảy ra mâu thuẫn trong gia đình với nhau nhưng không báo cáo chính quyền địa phương nên không tổ chức hòa giải. Qua nắm bắt được ở thôn thì mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, vợ chồng cãi nhau nên chị Trang đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Chị Trần Thị Huyền T và anh Nguyễn Đình Q có hai con chung là Nguyễn Thị Huyền A, sinh ngày 30/12/2018 và Nguyễn Đình H, sinh ngày 19/8/2020 hiện nay các cháu đang ở với anh Q và bố mẹ anh Q. Nay chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q, địa phương đề nghị Tòa

án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Biên bản xác minh ngày 08/01/2024 tại Trường Mầm non xã H: Chị Trần Thị Huyền T và anh Nguyễn Đình Q có hai con chung là Nguyễn Thị Huyền A, sinh ngày 30/12/2018 và Nguyễn Đình H, sinh ngày 19/8/2020 hiện nay hai cháu đang học tại Trường Mầm non xã H, anh Q có gửi đơn đề nghị đến trường với nội dung chỉ mình anh Q hoặc người thân được anh Q ủy quyền mới được giao và đón các cháu, nhà trường không được giao các cháu cho ai khi không được sự đồng ý của anh Q. Thực tế chị T cũng có đến trường để thăm các cháu, vì anh Q có đơn nên các cô giáo chủ nhiệm cũng không giám giao các cháu cho chị T đón về. Nhà trường tạo điều kiện cho các cháu chuyển trường để hợp lý hóa gia đình nếu chị T và anh Q thỏa thuận với nhau việc nuôi con hoặc có quyết định của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Huyền T, cho chị Trần Thị Huyền T được ly hôn với anh Nguyễn Đình Q.

Về con: Giao cháu Nguyễn Thị Huyền A cho chị Trần Thị Huyền T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Đình H cho anh Nguyễn Đình Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị Huyền T khởi kiện ly hôn anh Nguyễn Đình Q có hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Huyền T và anh Nguyễn Đình Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã H, huyện H cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 2018, như vậy hôn nhân giữa chị T và anh Q là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh Q: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, anh Q đi làm ăn xa đến tháng 5/2023 thì về. Sau khi anh Q về thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình không có nên mâu thuẫn xảy ra. Do không thể chịu đựng được nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và làm đơn ly hôn, anh Q cũng xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Thấy rằng, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Q là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[3] Về con: Chị Trần Thị Huyền T và anh Nguyễn Đình Q đều thống nhất có hai con chung là Nguyễn Thị Huyền A, sinh ngày 30/12/2018 và Nguyễn Đình H, sinh ngày 19/8/2020.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Huyền A, giao cháu Nguyễn Đình H cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đình Q có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng được trực tiếp nuôi con của chị T và anh Q là chính đáng, tuy nhiên việc anh Q yêu cầu nuôi cả hai con là không phù hợp, vì hiện nay anh cũng đang học tiếng chuẩn bị đi nước ngoài, hơn nữa hiện tại anh là lao động tự do, không chứng minh được thu nhập hàng tháng, chị T làm công nhân thu nhập hàng tháng là 8.000.000 đồng cũng ổn định để nuôi con. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị T giao cho mỗi người nuôi một cháu là phù hợp với điều kiện thực tế của hai bên và quy định của pháp luật, các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T và anh Q đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị T và anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Huyền T phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58; Điều 81, Điều 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Huyền T.

Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Huyền T và anh Nguyễn Đình Q.

Về con: Chị Trần Thị Huyền T và anh Nguyễn Đình Q có hai con chung là Nguyễn Thị Huyền A, sinh ngày 30/12/2018 và Nguyễn Đình H, sinh ngày 19/8/2020.

Giao cho chị Trần Thị Huyền T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Huyền A, giao cho anh Nguyễn Đình Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình H.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Trần Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003680 ngày 29/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa (Chị T đã thi hành xong).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Huyền T và anh Nguyễn Đình Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Cao Thị Nga